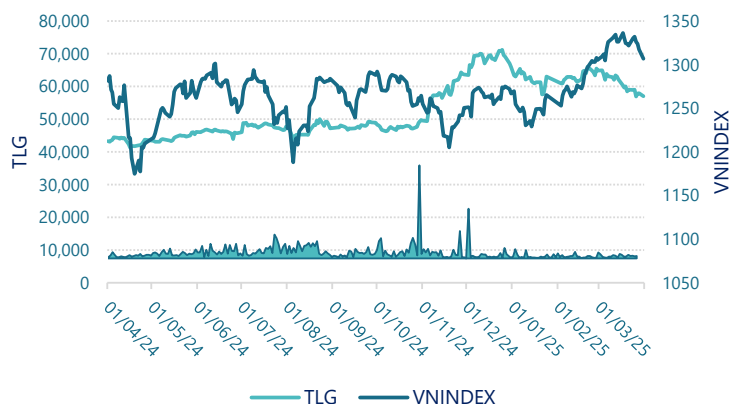


CTCP Tập đoàn Thiên Long (HSX: TLG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	57,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	71,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	41,270
SL cổ phiếu LH	86,453,575
KLGD BQ 20 phiên (CP)	111,805
% sở hữu nước ngoài	16.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,928
P/E	10.9
EPS	5,231

DT thuần
Q1/25

794

tỷ VNĐ

QoQ: ▼53.0| -6.2%

YoY: ▼15.0| -1.8%

LN sau thuế
Q1/25

78.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲39.4| 101%

YoY: ▼9.90| -11.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

16.0%

+/- YoY: ▲2.4%

DT thuần
2024

3,759

tỷ VNĐ

YoY: ▲297| 8.6%

LN sau thuế
2024

460

tỷ VNĐ

YoY: ▲104| 29.2%

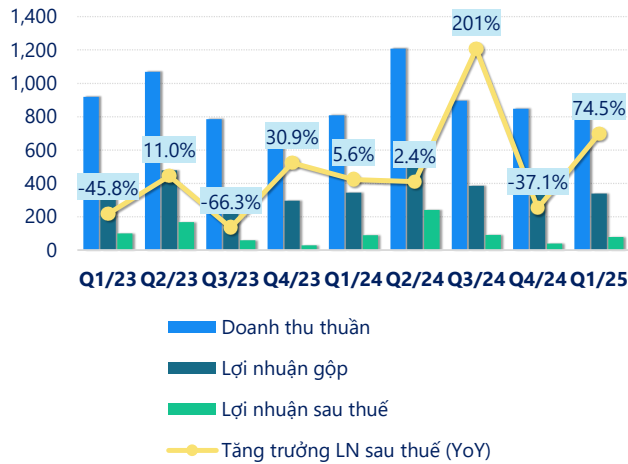
ROE
2024

20.8%

+/- YoY: ▲3.1%

tỷ VNĐ

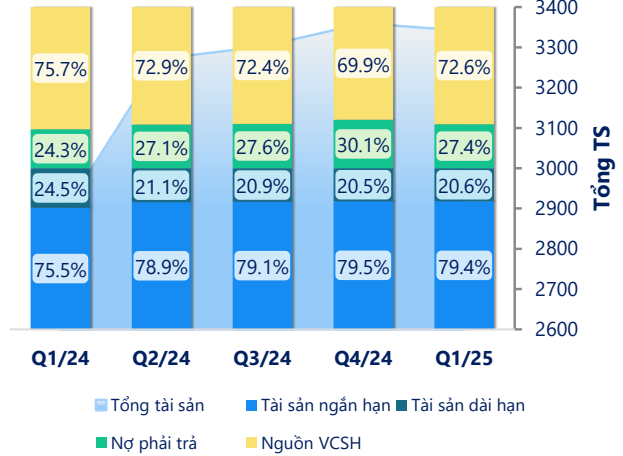
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

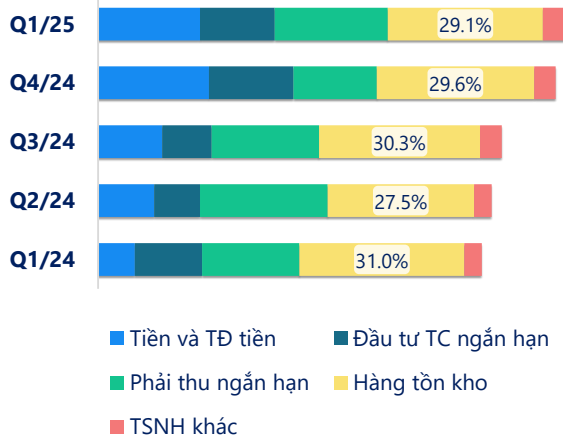
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



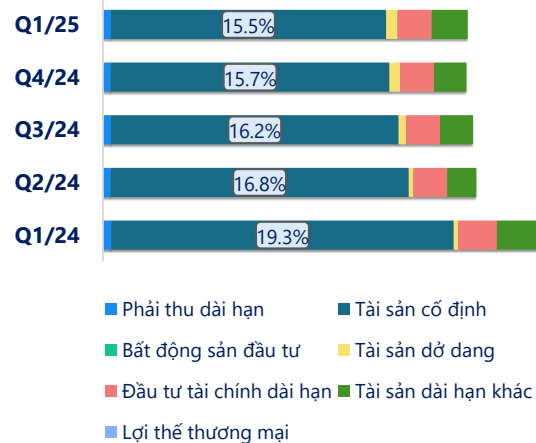
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

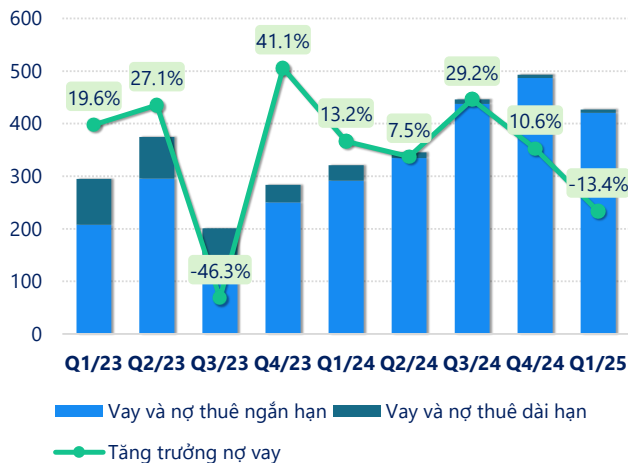
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

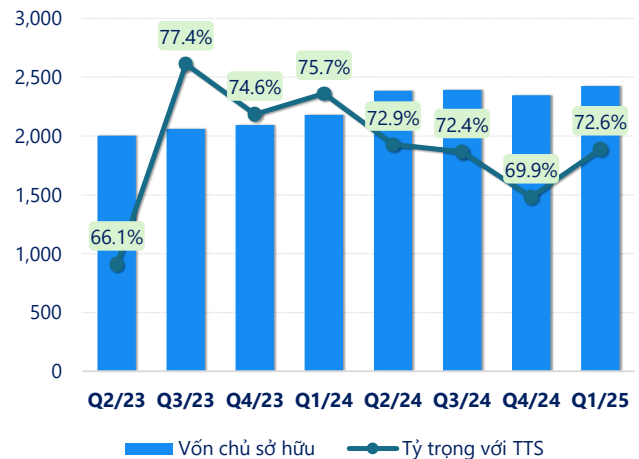
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

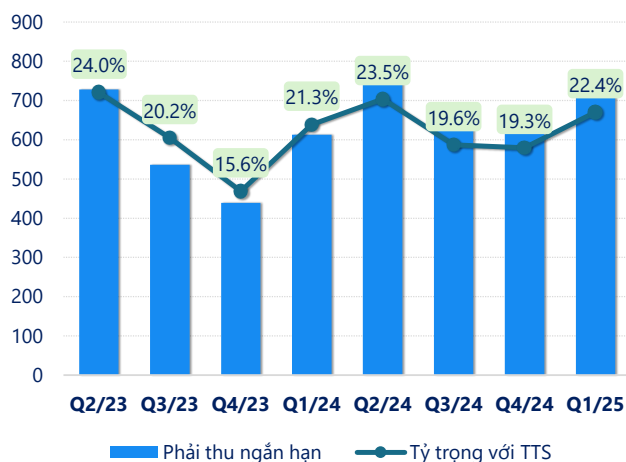
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



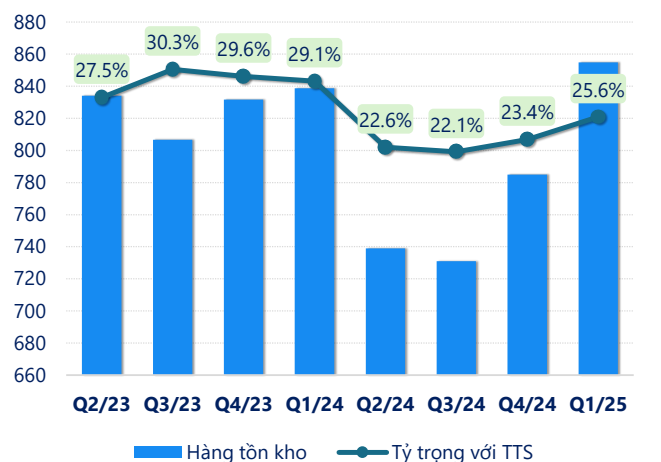
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


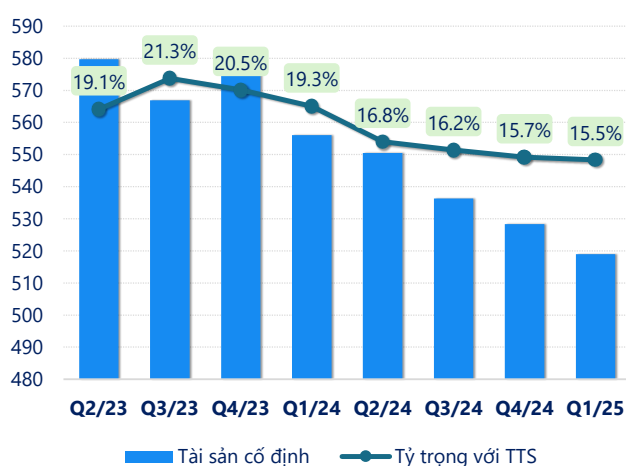
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


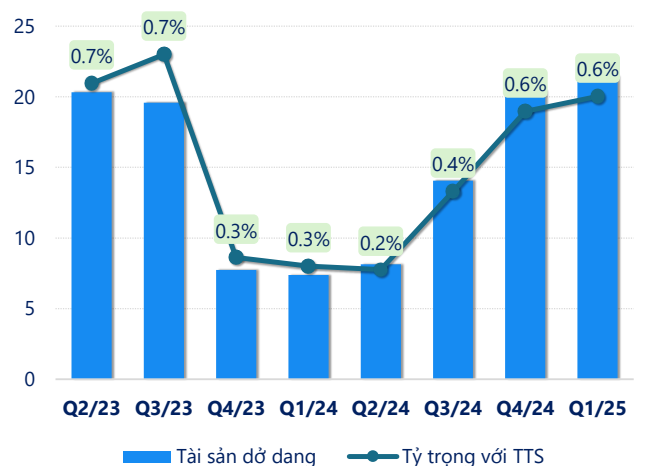
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

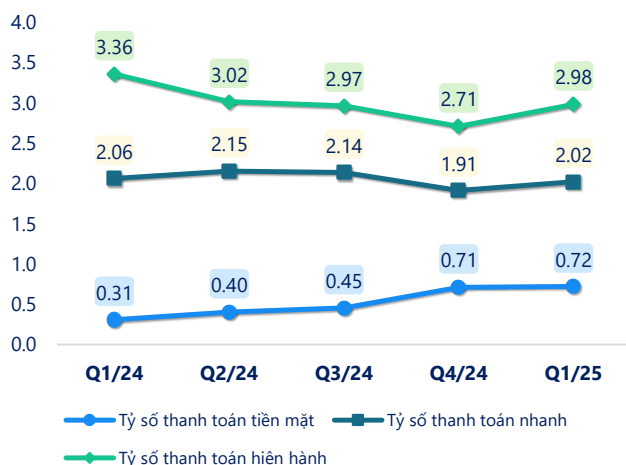
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

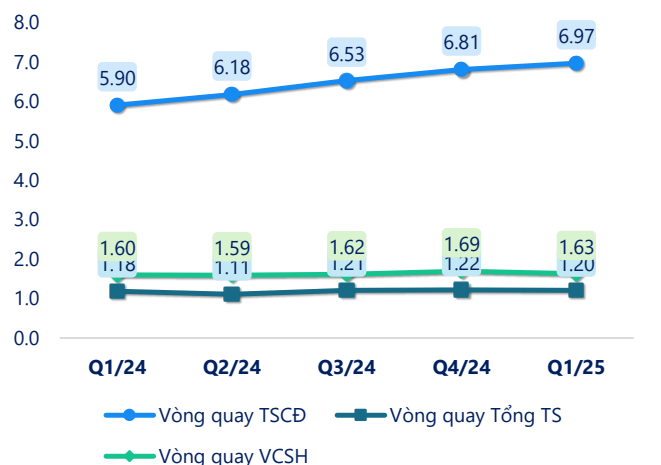
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	2,877	3,272	3,302	3,360	3,341
Tài sản ngắn hạn	2,173	2,583	2,613	2,671	2,654
Tiền và tương đương tiền	199	345	399	700	641
Đầu tư tài chính ngắn hạn	403	604	695	361	227
Phải thu ngắn hạn	613	768	646	649	747
Hàng tồn kho	839	739	731	785	855
Tài sản ngắn hạn khác	119	128	142	176	184
Tài sản dài hạn	705	689	690	689	687
Phải thu dài hạn	13.4	13.9	14.7	14.7	14.8
Tài sản cố định	556	550	536	528	519
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.38	8.13	14.1	20.4	21.4
Đầu tư tài chính dài hạn	62.8	63.0	63.0	64.2	64.2
Tài sản dài hạn khác	65.0	53.7	61.6	61.2	68.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	698	888	910	1,012	916
Nợ ngắn hạn	647	856	881	986	890
Vay và nợ thuê ngắn hạn	291	334	437	487	421
Phải trả người bán ngắn hạn	212	220	195	260	309
Nợ dài hạn	51.1	32.0	29.4	26.7	26.1
Vay và nợ thuê dài hạn	29.8	10.6	8.39	6.20	6.20
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,179	2,384	2,392	2,347	2,425
Vốn chủ sở hữu	2,179	2,384	2,392	2,347	2,425
Vốn điều lệ	786	786	786	865	865
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)